



KINH TẾ VI MÔ

Bài giảng 7

Lý thuyết chi phí

MỤC TIÊU

Cách xác định và **đo lường** chi phí

Phân biệt **các loại chi phí** khác nhau và tìm hiểu loại chi phí nào quan trọng ảnh hưởng đến việc ra quyết định SX của DN

Quan sát **quy luật biến thiên** của từng loại chi phí

Tìm hiểu **mối quan hệ** giữa các chi phí

NỘI DUNG

Các khái niệm chi phí

Chi phí của doanh nghiệp trong ngắn hạn

Chi phí của doanh nghiệp trong dài hạn

CÁC KHÁI NIỆM CHI PHÍ

Chi phí kế toán hay chi phí hạch toán
(chi phí hiện)

Chi phí ẩn

Chi phí kinh tế
(chi phí cơ hội)

CÁC KHÁI NIỆM CHI PHÍ

Chi phí kế toán (chi phí hiện)

Accounting costs (explicit costs)

Là những chi phí bằng tiền thực tế chi ra (tiền công, tiền lương tháng, tiền mua nguyên vật liệu, tiền thuê mặt bằng...) cộng thêm chi phí khấu hao tài sản cố định.

Chi phí ẩn (implicit costs)

Là chi phí liên quan đến những **ơ hội đã đã bị bỏ qua** do nguồn lực của hãng không được sử dụng vào công việc đem lại nhiều giá trị nhất.

Chi phí
chìm ???

Chi phí chìm ???

- Mặc dù chi phí cơ hội thường ẩn, nhưng nó phải được tính đến trong các quyết định kinh tế.
- Đối với chi phí chìm thì hoàn toàn ngược lại, nó thường dễ thấy nhưng một khi đã phát sinh thì bao giờ cũng phải loại nó ra ngoài khi đưa ra các quyết định kinh tế tương lai

CÁC KHÁI NIỆM CHI PHÍ

HAI CÁCH NHÌN CHI PHÍ ẨN

Từ mục tiêu tối đa hóa lợi ích của một doanh nghiệp

Là khoản lợi nhuận cao nhất lẽ ra hãng có thể kiếm được khi sử dụng nguồn lực cho các cách sử dụng khác

Từ mục tiêu phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế

Là khoản lợi nhuận bình thường lẽ ra hãng có thể kiếm được

CÁC KHÁI NIỆM CHI PHÍ

Chi phí cơ hội (Chi phí kinh tế)

Opportunity Costs (Economic Costs)

- Là những chi phí của một hãng trong việc sử dụng nguồn lực kinh tế để sản xuất, bao gồm chi phí hạch toán (tức chi phí hiện) và chi phí ẩn.

CÁC KHÁI NIỆM CHI PHÍ

	Lợi nhuận		Lợi nhuận kinh tế
Tổng	hạch toán	Chi phí ẩn	Chi phí
doanh thu	Chi phí hạch toán		kinh tế (tức chi phí cơ hội)

CHI PHÍ TRONG NGẮN HẠN

Giả định hãng sử dụng 2 đầu vào là vốn và lao động. Trong ngắn hạn hãng không thể thay đổi vốn đã đầu tư mà chỉ có thể thay đổi lao động để thay đổi sản lượng

Muốn tăng sản lượng sản xuất hãng phải thay đổi số lao động sử dụng, do vậy chi phí của hãng sẽ thay đổi

Chi phí được hãng quan tâm là **chi phí tối thiểu** để sản xuất một mức sản lượng nhất định

CHI PHÍ TRONG NGẮN HẠN

Các chi phí tổng

$$TC = FC + VC$$

TC (Total Costs)

Tổng chi phí

Là toàn bộ chi phí chi ra để sản xuất một mức đầu ra nhất định

FC (Fixed Costs)

Định phí

Là toàn bộ chi phí sử dụng yếu tố đầu vào cố định, không thay đổi theo mức sản lượng đầu ra

VC (Variable Cost)

Biến phí

Là toàn bộ chi phí sử dụng yếu tố đầu vào biến đổi, thay đổi theo mức sản lượng đầu ra

CHI PHÍ TRONG NGẮN HẠN

Các chi phí trung bình (bình quân): là chi phí trên một đơn vị sản lượng

$$ATC = AFC + AVC$$

ATC (Average Total Costs)

Tổng chi phí trung bình

$$ATC = TC/Q$$

AFC (Average Fixed Costs)

Định phí trung bình

$$AFC = FC/Q$$

AVC (Average Variable Cost)

Biến phí trung bình

$$AVC = VC/Q$$

CHI PHÍ TRONG NGẮN HẠN

Chi phí biên (Marginal Costs): là lượng chi phí tăng thêm do sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm.

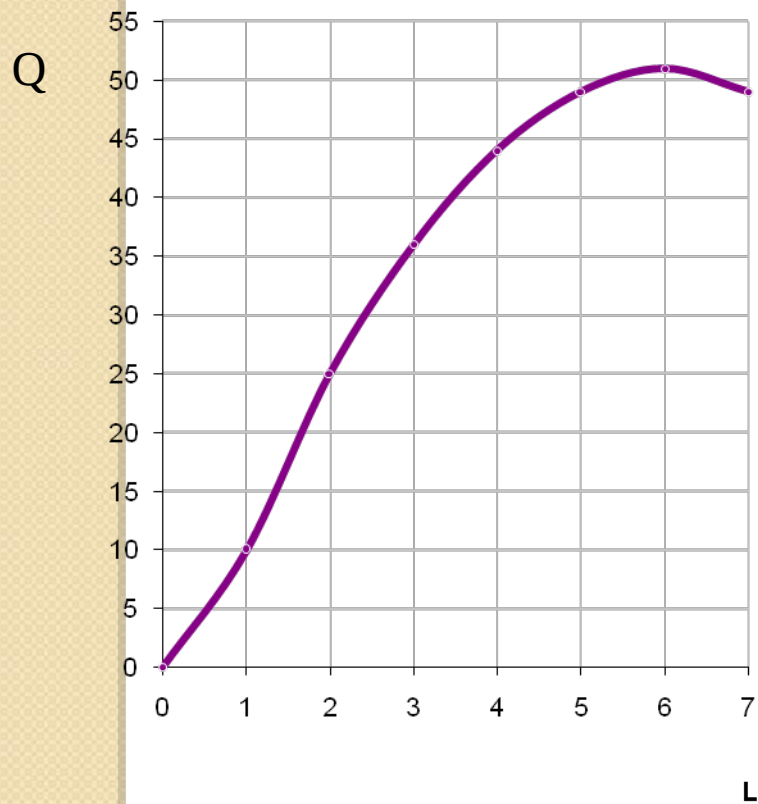
- $MC = \Delta TC / \Delta Q = \Delta VC / \Delta Q$
- $MC = dTC / dQ = dVC / dQ$

CÁC CHI PHÍ NGẮN HẠN CỦA MỘT HÃNG

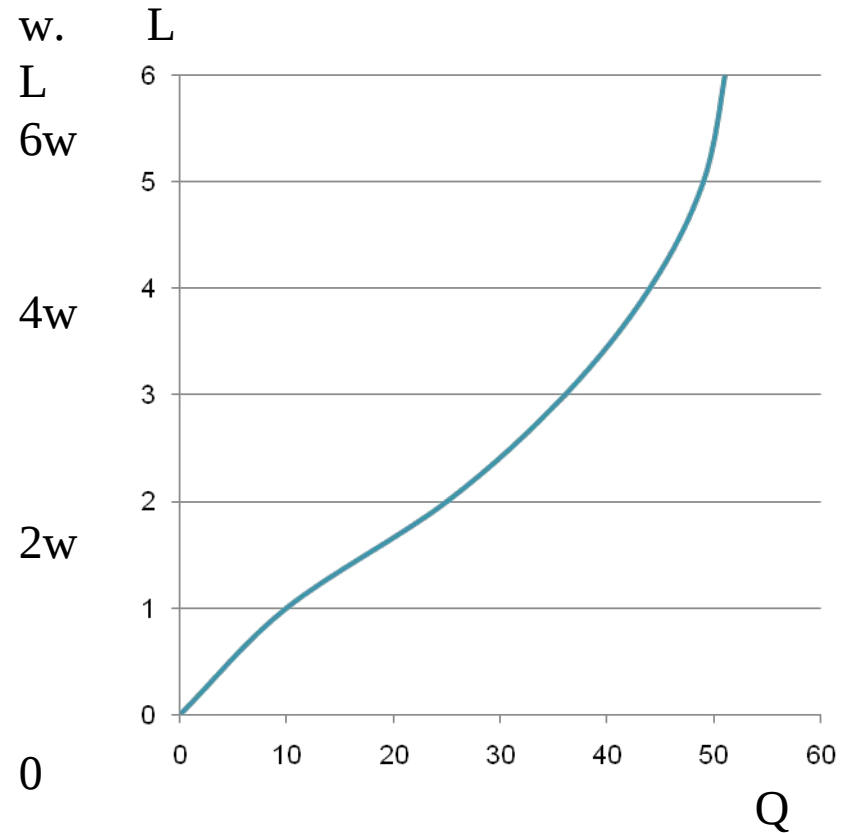
MỨC SẢN LƯỢNG	ĐỊNH PHÍ (FC)	BIẾN PHÍ (VC)	TỔNG CHI PHÍ (TC)	CHI PHÍ BIÊN (MC)	ĐỊNH PHÍ TRUNG BÌNH (AFC)	BIẾN PHÍ TRUNG BÌNH (AVC)	TỔNG CHI PHÍ TRUNG BÌNH (ATC)
0	50	0	50	-	-	-	-
1	50	50	100	50	50	50	100
2	50	78	128	28	25	39	64
3	50	98	148	20	16.7	32.7	49.3
4	50	112	162	14	12.5	28	40.5
5	50	130	180	18	10	26	36
6	50	150	200	20	8.3	25	33.3
7	50	175	225	25	7.1	25	32.1
8	50	204	254	29	6.3	25.5	31.8
9	50	242	292	38	5.6	26.9	32.4

CHI PHÍ TRONG NGẮN HẠN

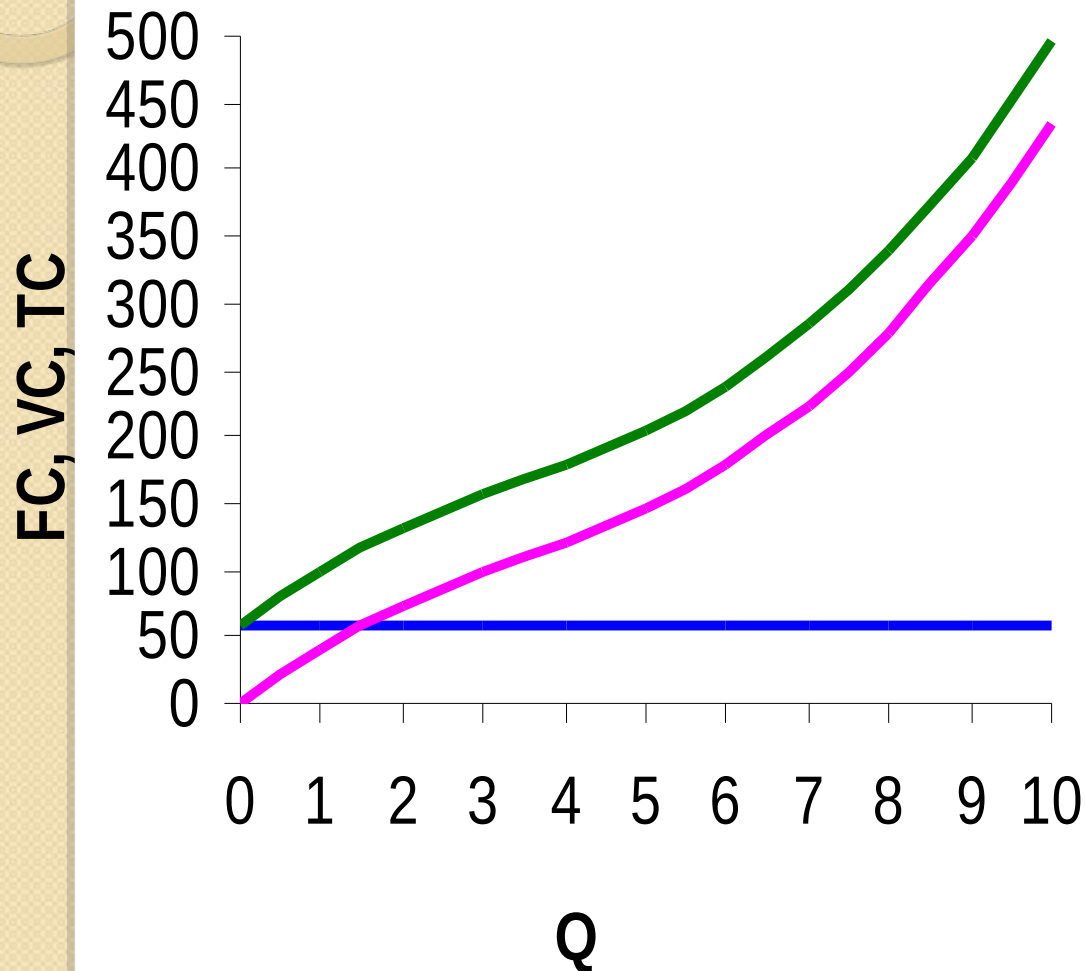
Đường Tổng sản lượng



Đường biến phí



CÁC ĐƯỜNG CHI PHÍ TỔNG TRONG NGẮN HẠN



➤ Khoảng cách giữa TC và VC theo phương thẳng đứng bằng FC.

➤ TC là VC tịnh tiến theo phương thẳng đứng 1 đoạn bằng FC

CÁC MỐI QUAN HỆ

Giữa sản xuất và chi phí

Mối quan hệ giữa AP_L và AVC

$$*AVC = VC/Q = w.L/Q = w/AP_L$$

* AP_L tăng \Rightarrow AVC giảm & ngược lại

Mối quan hệ giữa MP_L và MC

$$*MC = \Delta VC/\Delta Q = w.\Delta L/\Delta Q = w/MP_L$$

* MP_L tăng \Rightarrow MC giảm & ngược lại

Các chi phí trung bình và chi phí biên

Mối quan hệ giữa MC và AVC

MC < AVC \Rightarrow AVC giảm

MC > AVC \Rightarrow AVC tăng

MC = AVC tại AVCmin

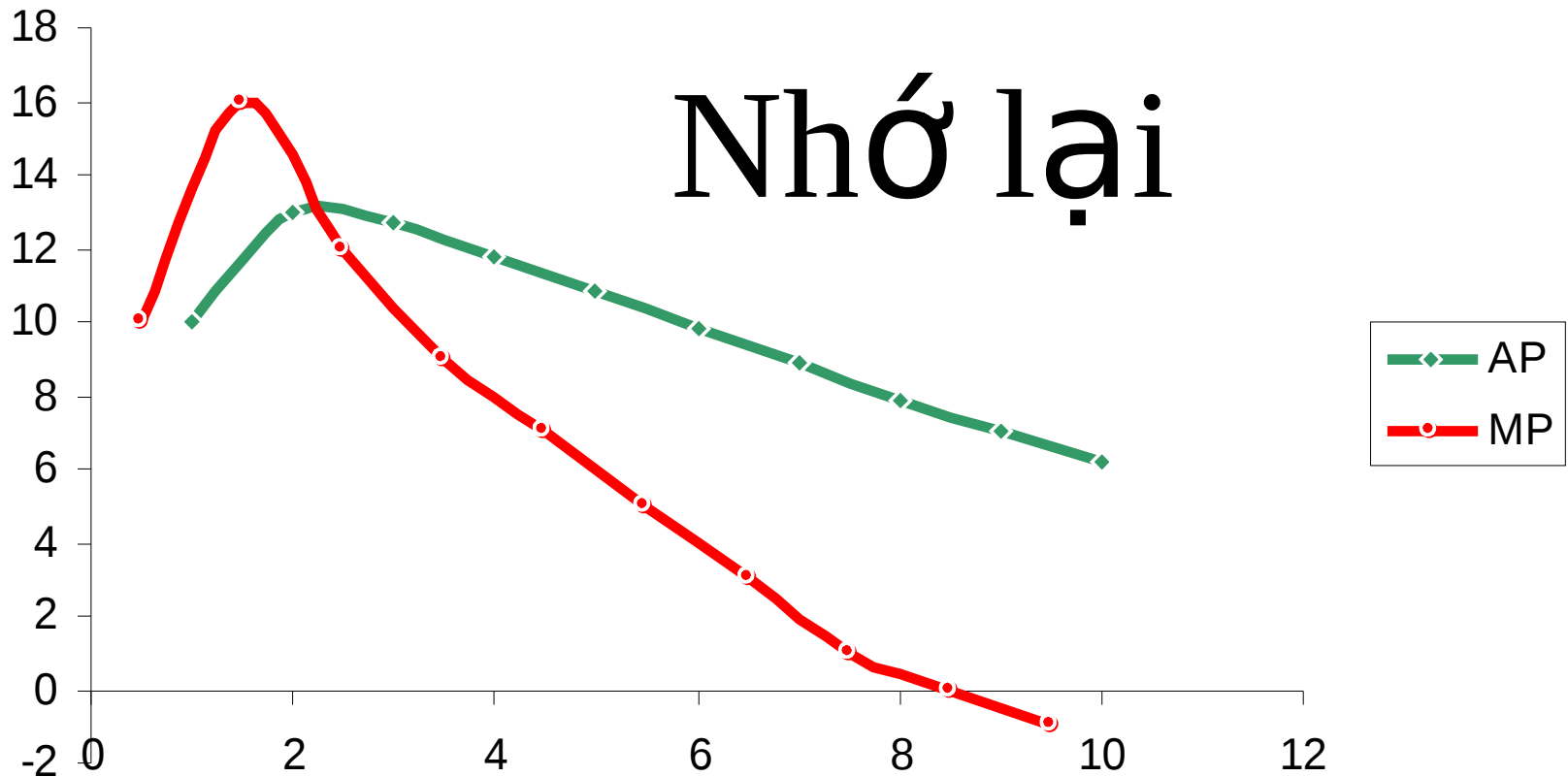
Mối quan hệ giữa MC và ATC

MC < ATC \Rightarrow ATC giảm

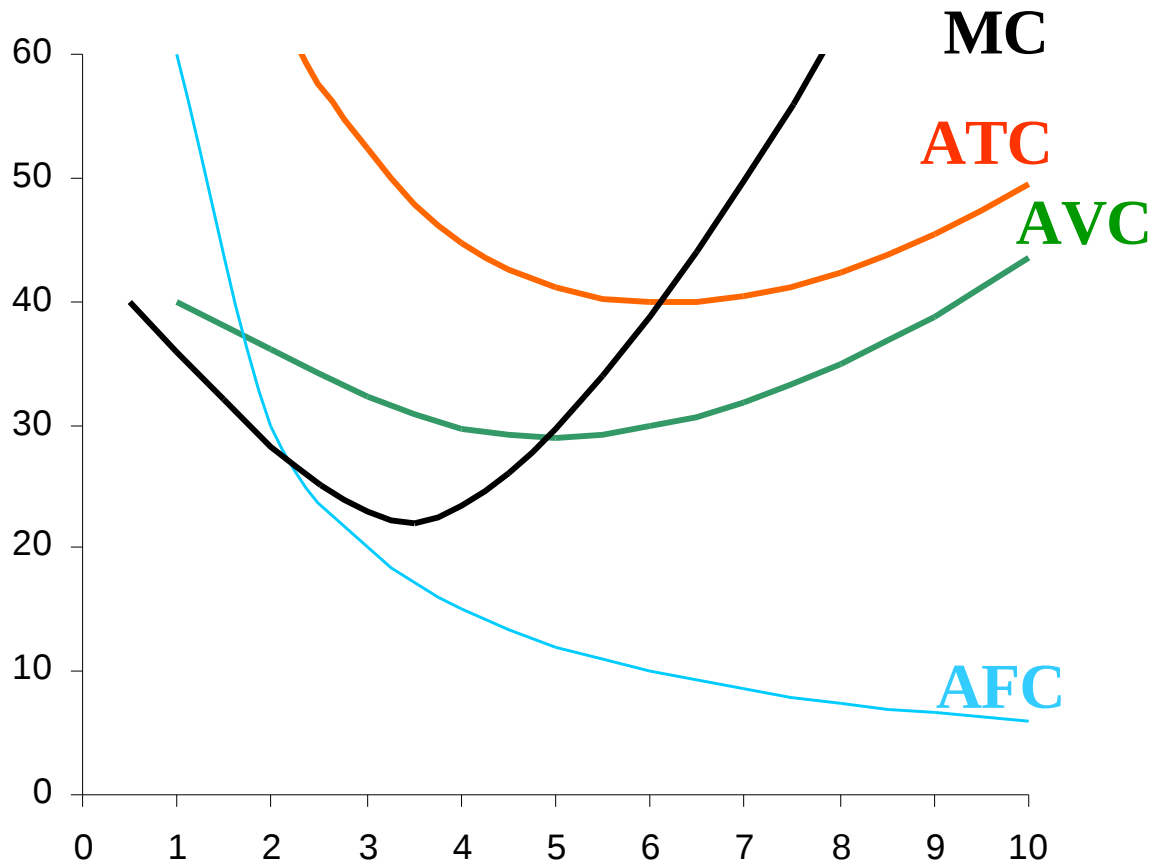
MC > ATC \Rightarrow ATC tăng

MC = ATC tại ATCmin

ĐƯỜNG NĂNG SUẤT TRUNG BÌNH & ĐƯỜNG NĂNG SUẤT BIÊN



CÁC ĐƯỜNG CHI PHÍ TRUNG BÌNH & BIÊN TRONG NGẮN HẠN



*AFC dạng hàm $y = a/x$
*AVC, ATC, MC dạng chữ U

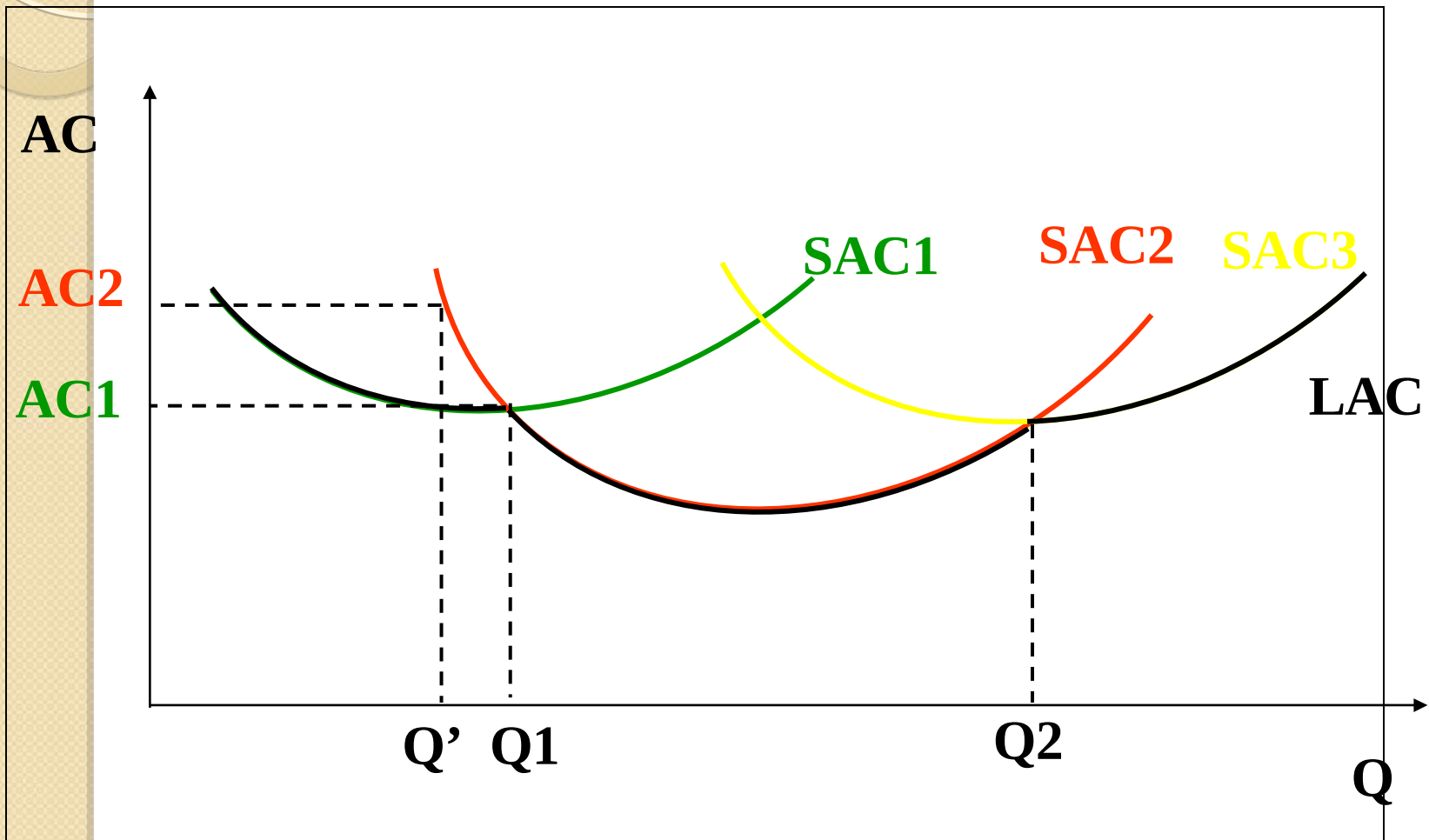
CHI PHÍ TRONG DÀI HẠN

- Giả định hãng sử dụng 2 đầu vào là vốn và lao động. Bây giờ, trong dài hạn hãng có thể thay đổi cả vốn lẫn lao động để thay đổi sản lượng.
=> Không có định phí

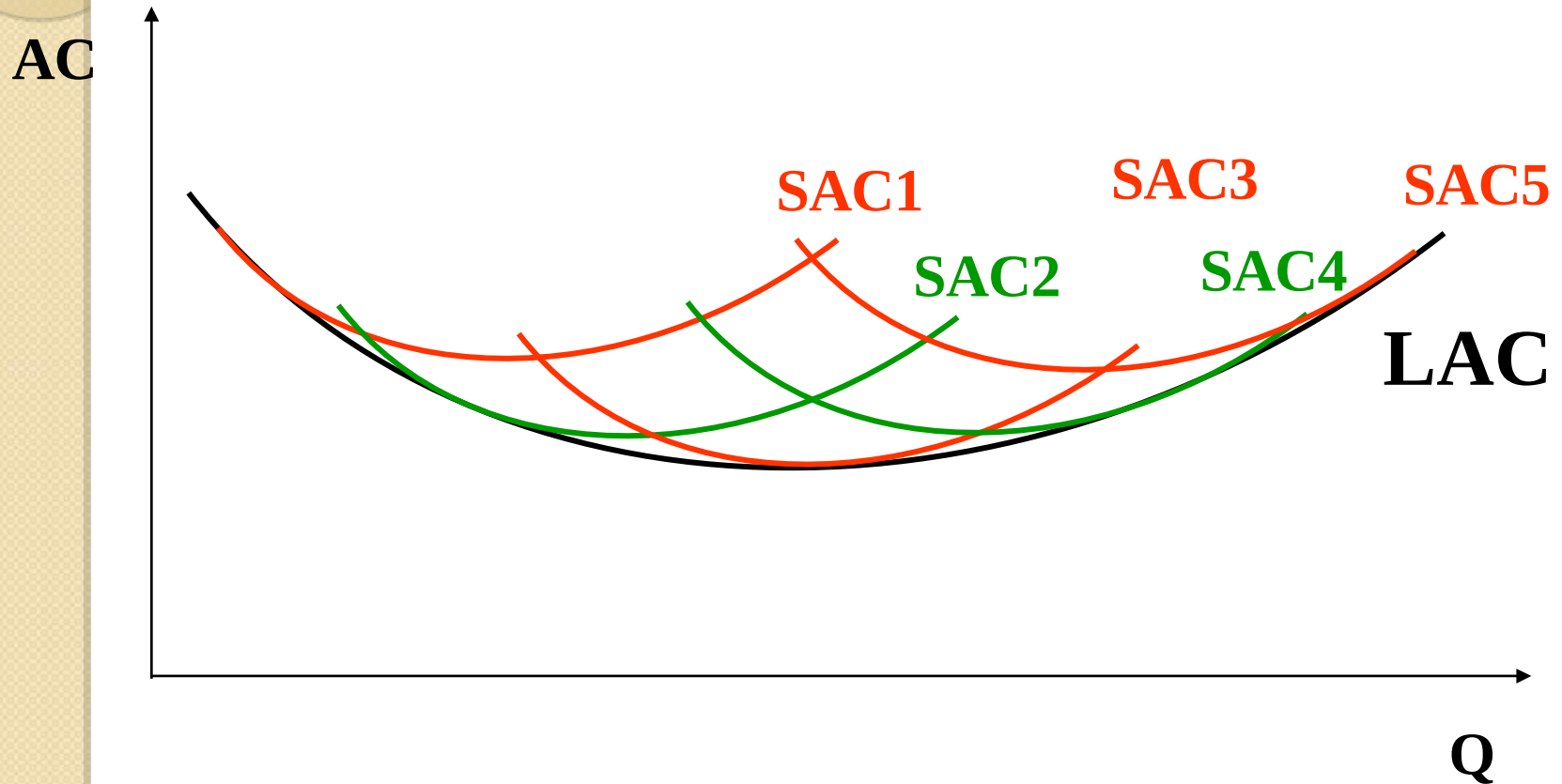
- Hãng sẽ chọn kết hợp đầu vào tối ưu để sản xuất các mức sản lượng khác nhau, đó là các kết hợp đầu vào nằm trên đường mở rộng sản xuất (expansion path)

- Chi phí trong dài hạn là chi phí tối thiểu của các chi phí trong ngắn hạn cùng sản xuất 1 mức đầu ra

CHI PHÍ DÀI HẠN VỚI HIỆU QUẢ TĂNG, GIẢM THEO QUI MÔ



CHI PHÍ DÀI HẠN VỚI HIỆU QUẢ TĂNG RỒI GIẢM THEO QUI MÔ



HIỆU SUẤT THEO QUI MÔ

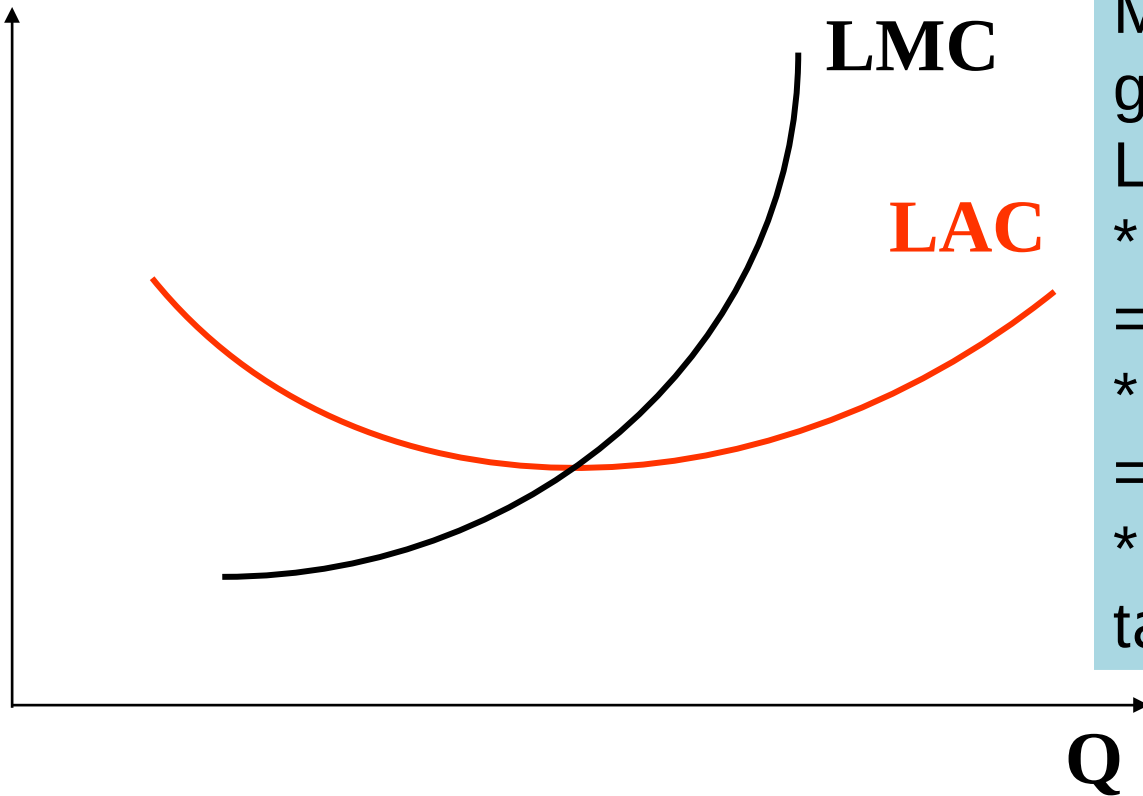
Hiệu suất theo qui mô	Tốc độ tăng của đầu ra so với tốc độ tăng của các đầu vào	Hao phí đầu vào để sản xuất một đơn vị đầu ra
tăng	nhanh hơn	giảm
giảm	chậm hơn	tăng
không đổi	bằng	không đổi

HIỆU QUẢ THEO QUI MÔ

<i>Hiệu quả</i> theo qui mô	Tốc độ tăng của đầu ra so với tốc độ tăng của <i>các chi phí</i> đầu vào	<i>Chi phí</i> để sản xuất một đơn vị đầu ra
tăng	nhanh hơn	giảm
giảm	chậm hơn	tăng
không đổi	bằng	không đổi

CHI PHÍ DÀI HẠN VỚI HIỆU QUẢ TĂNG RỒI GIẢM THEO QUI MÔ

LAC
LMC



Mối quan hệ giữa LMC và LAC:

- * $LMC < LAC$
 \Rightarrow LAC giảm
- * $LMC > LAC$
 \Rightarrow LAC tăng
- * $LMC = LAC$
tại LACmin

TÓM TẮT

1

- Các nhà sản xuất khi ra quyết định sản xuất, kinh doanh sẽ dựa trên so sánh các chỉ tiêu doanh thu với chi phí kinh tế

2

- Chi phí kinh tế (Chi phí cơ hội) bao gồm chi phí hạch toán (chi phí hiện) và chi phí ẩn

3

- Lợi nhuận kinh tế sẽ bé hơn lợi nhuận hạch toán. Lợi nhuận kinh tế bằng không thì tình hình kinh doanh đã đủ tốt để tiếp tục hoạt động

TÓM TẮT

4

- Trong ngắn hạn, tổng chi phí sản xuất bao gồm định phí (không thay đổi theo sản lượng) và biến phí (thay đổi theo sản lượng)

5

- Các chi phí tổng phân bổ cho 1 đơn vị sản lượng là chi phí trung bình (bình quân)
- Chi phí biên là phần thay đổi của tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị đầu ra

6

- Trong dài hạn, nhà sản xuất sẽ chọn qui mô nào có chi phí thấp nhất để sản xuất 1 mức sản lượng mình muốn
- Trong dài hạn thông thường khi tăng qui mô sản xuất hiệu quả sẽ tăng rồi sau đó sẽ giảm

TÓM TẮT

7

- Các đường chi phí trong ngắn hạn có dạng chữ U: AVC, ATC, MC

8

- Đường MC cắt đường AVC tại AVC_{min} và cắt đường ATC tại ATC_{min}

9

- Trong dài hạn, đường LMC và LAC cũng có dạng chữ U. Đường LMC cắt đường LAC tại LAC_{min}